

TIẾNG VIỆT – ĐỀ 1

Bài 1: Gạch 1 gạch dưới bộ phận **Ai**, 2 gạch dưới bộ phận **thế nào ?** trong các câu sau

- a. Lan rất chăm học. b. Hà rất thông minh. c. Hằng rất lễ phép.

Bài 2: Gạch 1 gạch dưới bộ phận **Ai**, 2 gạch dưới bộ phận **làm gì?** trong các câu sau:

- a. Bé Hà và bé Hoa rất vâng lời và yêu quý anh chị.
b. Trong một nhà, anh chị em cần yêu thương, giúp đỡ nhau.

Bài 3: Đặt câu cho bộ phận in đậm dưới đây:

- a. **Trên bờ đê**, đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ.
b. Hoa bưởi **thơm nức một góc vườn**.
c. Ông mặt trời từ từ nhô lên **từ phía đằng đông**.

Bài 4: Gạch chân các **từ chỉ hoạt động** trong các câu sau :

- a. Bạn Nam đang **vẽ** con ngựa.
b. Đàn vịt đang **bơi** dưới hồ nước.
c. Bạn Lan đang **nghe** hát.

Bài 5: Dùng gạch chéo (/) tách các câu sau thành 2 thành phần (Ai/ thế nào?; Ai/ làm gì?)

- a. Sương muối phủ trắng cảnh cây bãi cỏ.
b. Núi đồi thung lũng làng bản chìm trong biển mây mù.
c. Ve Sầu là một chú bé hay hát và hát hay lắm.

TIẾNG VIỆT – ĐỀ 2

Bài 1: Gạch 1 gạch dưới bộ phận **Ai**, 2 gạch dưới bộ phận **làm gì?** trong các câu sau:

- a. Anh Hoàng luôn nhường nhịn, chiều chuộng bé Hà.
- b. Chị Hồng chăm sóc bé Hoa rất chu đáo.

Bài 2: Đặt câu cho bộ phận in đậm dưới đây:

- a. Tiếng hót của chú chim sơn ca **làm say đắm cả khu vườn.**
- b. Thuý Tinh rất tức giận **vì không lấy được Mị Nương.**

Bài 3: Gạch chân các **từ chỉ sự vật** (người, con vật, đồ vật, cây cối) trong các câu sau. Đặt câu hỏi cho bộ phận đó.

- a. Núi cao vời vợi.
- b. Chim hót líu lo.
- c. Trăng sáng vàng vặc.

Bài 4: Dùng gạch chéo (/) tách các câu sau thành 2 thành phần (Ai/ làm gì ?)

- a. Bà đi chợ.
- b. Mẹ đi làm.
- c. Liên dắt em ra vườn chơi.

Bài 5: Điền dấu phẩy thích hợp vào các câu sau:

- a. Bạn Hà bạn Huệ rất chăm chỉ học tập.
- b. Bạn Nam hiền lành thật thà.

TIẾNG VIỆT – ĐỀ 3

Bài 1: Gạch 1 gạch dưới bộ phận **Ai**, 2 gạch dưới bộ phận **làm gì?** trong các câu sau:

- a. Mẹ đi thăm bà. b. Em ở nhà học bài. c. Bố đi công tác xa nhà.

Bài 2: Tìm 3 từ nói về tình cảm gia đình và đặt câu với các từ đó.

Bài 3: Đặt câu cho bộ phận in đậm dưới đây:

a. Nhờ **siêng năng học tập**, Sơn đã đứng đầu lớp.

b. Em thức dậy **khi chú gà trống cất tiếng gáy**.

Bài 4: Dùng gạch chéo (/) tách các câu sau thành 2 thành phần (Ai/ thế nào ?)

- a. Mùa xuân xôn xao, rực rỡ. b. Mùa hè nắng chói chang.
c. Mùa thu hiền dịu. d. Mùa đông u buồn, lạnh lẽo.

Bài 5: Ngắt đoạn văn sau thành 9 câu và viết lại cho đúng:

Ngày đầu tiên của em đi học thật là vui em mặc quần áo đẹp nhưng chẳng mang theo gì cả khi vào lớp, em thấy một bạn khóc mãi em đến làm quen và nói chuyện với bạn thế rồi bạn cũng nín khi cô giáo bảo chúng em tự giới thiệu thì em mới biết tên bạn là Mai từ đó, chúng em chơi với nhau rất thân cả lớp em đã hát rất nhiều bài em thấy đi học thật vui.

TIẾNG VIỆT – ĐỀ 4

1. Nối từng từ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B

A

B

- a. Suối Vùng nước mặn rộng lớn trên bề mặt trái đất
- b. Kênh Dòng nước chảy tự nhiên ở đồi núi bắt nguồn từ các khe đá
- c. Biển Công trình đào, đắp để dẫn nước tưới tiêu cho đồng ruộng.

2. Đặt câu hỏi cho bộ phận được in đậm trong mỗi câu sau:

- a. **Vì mưa to**, nước suối dâng ngập hai bờ.
- b. Nước suối lóng lánh **vì có ánh sáng mặt trời phản chiếu**.
- c. Suốt mùa đông, lũ cá rô lẩn tránh **trong bùn ao**.
- d. Người ta trồng cà phê **để lấy hạt làm đồ uống**.

3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

- a. Bác Hồ rất các cháu thiếu nhi.
- b. Các cháu thiếu nhi Bác Hồ.
- c. Bác Hồ là lãnh tụ của nhân dân Việt Nam.
- d. Thiếu nhi Việt Nam vô cùng Bác Hồ.

(*biết ơn, kính yêu, yêu quý, kính yêu*)

4. Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau:

- a. thông minh b. vui vẻ c. hiền lành

5. **Tập làm văn:** Viết một đoạn văn ngắn kể về người thân (ông, bà, bố, mẹ,)

TIẾNG VIỆT – ĐỀ 5

Bài 1: Hãy sắp xếp các từ trong mỗi dòng sau thành câu:

a, Mẹ/ yêu/ em /rất (tạo 3 câu)

b.Thu/ của/ em/ bạn/ là (tạo 4 câu)

Bài 2: Khoanh tròn vào chữ cái trước dòng đã thành câu:

- a. Bông hoa này
- b. Quyển vở mới tinh ấy
- c. Chiếc bút này rất đẹp.
- d. Bà hỏi gì mẹ cháu ạ?
- e. Trong khu rừng xanh

Bài 3: Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống

- a. Hương là ngườihọc tập
- b. Hương đi học rất
- c. Hôm nay,gặp bài khó,Hương vẫngiải cho bằng

được.

(chuyên cần , kiên nhẫn , cần cù)

Bài 4: Đặt câu theo từng mẫu câu sau: Ai – là gì? (3 câu); Ai – làm gì? (3 câu)

Bài 5: Viết một đoạn văn ngắn nói về cô giáo em.

TIẾNG VIỆT – ĐỀ 6

Bài 1: Điền *xinh* hoặc *mới*, hoặc *thẳng*, hoặc *khỏe* vào chỗ trống

- a, Cụ bộ rất b, Quyển vở rất
c, Cây cau rất..... d, Con voi rất

Bài 2 : Viết tiếp cóc từ :

- a, Chỉ đặc điểm về tính tởnh của con người: tốt ,.....
b, Chỉ đặc điểm về màu sắc của đồ vật: đỏ,.....
c, Chỉ đặc điểm về hõnh dõng của người, vật: cao,

Bài 3: Điền từ trõi nghĩa với các từ đó cho vào chỗ trống

- khụn - nhanh - chãm - già -
tõi - trắng - vui - sớm -

Bài 4: Đặt 5 câu theo mẫu *Ai thế nào ?* nói về mọi người trong gia đõnh em

Bài 5: Viết đoạn văn (từ 5 đến 7 câu) nói về người thân của em.

- a, Người thân (õng, bà, bố, mẹ....) em bao nhiều tuổi?
b, Người thân của em làm nghề gì?
c, Người thân của em yêu quý, chãm sóc em như thế nào?
d, Tình cảm của em õi với người đó ra sao?

TIẾNG VIỆT – ĐỀ 7

Bài 1: Gạch chân bộ phận *làm gì?* trong các câu sau, Đặt câu hỏi cho bộ phận đó.

- Cụ giáo ôm Chi vào lòng.
- Chi cùng bố đến trường cảm ơn cô giáo.
- Bố tặng nhà trường một khóm hoa cúc đại đóa màu tím đẹp mê hồn.

Bài 2: Viết tiếp các câu theo mẫu *Ai làm gì?*

- Mẹ
- Chị
- Em
- Anh chị em
- Em nhỏ
- Bố mẹ

Bài 3: Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi vào

Thấy mẹ đi chợ về Hà nhanh nhẩu hỏi:

- Mẹ có mua quà cho con không

Mẹ trả lời:

- Có! Mẹ mua rất nhiều quà cho chị em con Thế con làm xong việc mẹ giao chưa

Hà buồn thiu:

- Con chưa làm xong mẹ ạ

Bài 4: Điền vào chỗ trống

a, s hay x:

- quảầu;ầu xí;ầu cỏ; nướcầu; ...e máy;e lạnh; thợ ...ẻ
-ời lỗi trời cho,o ro trời co lại
-ây cha còn chú,ây mẹ bú dì.
-iêng làm thì có,iêng học thì hay

b, ăt hay ậ:

- b... thêm; m.... ong; b... đèn; b... khuất; gi.... ngủ; quả g.....; m... mưa
- M ngọt chết ruồi

- M..... của dễ tìm, m..... lòng tin khó kiếm
- Tác đ..... t..... vàng

c, ai hay ay

- Tay làm hàm nh....., t..... qu..... miệng trẻ.
- Nói h..... hơn h..... nói.
- Nói ph..... củ c..... cũng nghe.

TIẾNG VIỆT – ĐỀ 8

Câu 1: Điền từ chỉ đặc điểm của mỗi con vật

trâu..... chó..... rùa..... thỏ.....

Câu 2: Điền hình ảnh so sánh của mỗi từ

cao như..... đẹp như..... khỏe như.....

nhanh như..... chậm như..... đỏ như.....

trắng như..... xanh như..... hiền như.....

Câu 3: Viết tiếp cho trọn câu, trong đó có sử dụng hình ảnh so sánh

a) Khi bắt chuột, con mèo nhà em chạy nhanh như..... Toàn thân nó phủ một lớp lông màu đen óng mượt như..... Đôi mắt nó tròn như.....

Câu 4: Gạch chân các từ chỉ sự vật trong câu sau

Trên đường từ trường về nhà, em đi qua khu ruộng trồng rau, hồ nuôi cá và một cây đa cổ thụ.

Câu 5: Dùng gạch chéo (/) để ngắt câu và dùng bút chì sửa những chữ viết sai chính tả trong đoạn văn sau :

Vùng đồi quê ấy dành cho cộ tôi được sống dưới mái nhà lợp cộ mát rượi tôi được ru trong lời ru ngọt ngào của mẹ lời ru đó có bao giờ tôi quên.

Câu 6: Cặp từ nào dưới đây là từ cùng nghĩa

- Chăm chỉ - giỏi giang
- Chăm chỉ - siêng năng
- Ngoan ngoãn – siêng năng

Câu 7: Dòng nào gồm các từ chỉ hoạt động

- Tươi, đẹp, hồng, khôn, trung thực.
- Thầy, bạn, nông dân, công nhân, bác sĩ.
- Cười, chơi, đọc, dọn dẹp, luyện tập.

Câu 8: Câu nào dưới đây được cấu tạo theo mẫu *Ai làm gì?*

- Thầy giáo lớp em là giáo viên giàu kinh nghiệm.
- Bài dạy của thầy rất sinh động.
- Trong giờ học, thầy thường tổ chức các hoạt động

Câu 9: Câu nào dưới đây được cấu tạo theo mẫu *Ai thế nào?*

- Cò ngoan ngoãn, chăm chỉ.
- Cò là học sinh giỏi nhất lớp.
- Cò đọc sách trên ngọn tre.

TIẾNG VIỆT – ĐỀ 9

Bài 1: Điền tiếp các từ ngữ vào chỗ trống cho phù hợp

a. Từ ngữ có vần ưi	gửi quà, chửi bậy,.....
b. Từ ngữ có vần ươi	đan lưới, sưởi ấm,
c. Từ ngữ có vần iết	biết,
d. Từ ngữ có vần iêc	xiếc,
e. Từ ngữ có vần ước	bước,
g. Từ ngữ có vần uot	lượt,.....

Bài 2: Tìm 5-7 từ ngữ phù hợp:

- a. Từ ngữ gồm 2 tiếng đều bắt đầu bằng **ch**. *M. chăm chỉ, chong chóng*
- b. Từ ngữ gồm 2 tiếng đều bắt đầu bằng **tr**. *M. trắng trắng, tròng trọt*

c. Từ chỉ vật, đồ vật mở đầu bằng **r**: *M. rổ*

d. Từ chỉ vật, đồ vật mở đầu bằng **d**: *M. da*

e. Từ chỉ vật, đồ vật mở đầu bằng **gi**: *M. giường*

Bài 3: Tìm các từ chỉ đồ dùng học tập, từ chỉ hoạt động, tính nét của HS (mỗi loại 5 từ)?